

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí  
Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2020;*

*Trên cơ sở Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 28/12/2018 và Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch triển khai thi hành hệ thống pháp luật về thủy lợi;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 896/TTr-SNNPTNT ngày 10/4/2020 và Công văn số 895/SNNPTNT ngày 10/4/2020 và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 533/STC-HCSN&DN ngày 23/3/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa, với các nội dung chính sau:

1. Tên nhiệm vụ: Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa.
2. Địa điểm thực hiện: Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chủ đầu tư và cơ quan được giao tổ chức thực hiện

- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cơ quan được giao tổ chức thực hiện: Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi.

4. Cơ quan lập Nhiệm vụ và dự toán kinh phí: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Bình Sơn.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ

a) Mục tiêu: Lập quy trình vận hành đối với các hồ chứa nước lớn và vừa đang khai thác trên địa bàn tỉnh nhưng chưa có quy trình vận hành theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Nhiệm vụ: Khảo sát địa hình, điều tra, thu thập tài liệu cơ bản có liên quan; nghiên cứu, tính toán kỹ thuật để lập 19 quy trình vận hành hồ chứa nước.

6. Phạm vi công việc: Lập quy trình vận hành cho 19 hồ chứa nước lớn và vừa đang khai thác nhưng chưa có quy trình vận hành, gồm:

a) 04 hồ chứa nước lớn: Hồ chứa nước Đá Chồng, huyện Sơn Tịnh; hồ chứa nước Ông Tới, huyện Mộ Đức; hồ chứa nước Tôn Dung, huyện Ba Tơ và hồ chứa nước Sinh Kiến, huyện Trà Bồng.

b) 15 hồ chứa nước vừa gồm:

- 07 hồ chứa nước: Hàm Rồng, An Thạnh, Tân Thạnh, Sơn Chà, Lỗ Ổ, Bà Dồ, Phượng Hoàng thuộc huyện Bình Sơn.

- 05 hồ chứa nước: Hồ Đèo, Hồ Vàng, Hóc Tùng, Hồ Tre và Hóc Lùng thuộc huyện Sơn Tịnh.

- Hồ chứa nước Lỗ Thùng, huyện Mộ Đức.

- Hồ chứa nước Gò Kiu, huyện Trà Bồng.

- Hồ chứa nước Suối Chí, huyện Nghĩa Hành.

c) 04 Hồ chứa nước: Hồ chứa nước Hóc Dọc, huyện Bình Sơn; hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long; hồ chứa nước Di Lăng, huyện Sơn Hà; hồ chứa nước Cây Sanh, thị xã Đức Phổ được thực hiện từ các chương trình, dự án khác nên không thực hiện trong nhiệm vụ này.

7. Nội dung, khối lượng công việc chủ yếu

a) Mua tài liệu khí tượng thủy văn, tài liệu mưa ngày:

- Tài liệu khí tượng trạm Ba Tơ và Quảng Ngãi 30 năm: 240 biểu.
- Tài liệu về mưa ngày 11 trạm đo mưa trên địa bàn các hồ chứa: 330 biểu.

b) Khảo sát địa hình:

- Đo vẽ bình đồ lòng hồ 19 hồ chứa nước, tỷ lệ 1/2000: 257,9 ha.

- Đường chuyên cấp II: 152 điểm.

- Thủy chuẩn hạng IV: 30,90 km.

- Thủy chuẩn kỹ thuật: 11,10 km.
  - Đo vẽ thông số hiện trạng công trình đầu mối: 114 công.
- (Hệ cao độ: Quốc gia; Hệ tọa độ: VN 2000)

c) Lập quy trình vận hành:

- Điều tra, thu thập số liệu: 57 công.
- Tính toán kỹ thuật, lập 19 quy trình vận hành tương ứng 19 hồ chứa nước:

- + Chủ nhiệm lập Quy trình vận hành: 152 công.
- + Tính toán kỹ thuật, lập quy trình vận hành: 475 công.
- + Kiểm tra, quản lý chất lượng và hoàn thiện: 152 công.

8. Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao.

- QCVN 04-05: 2012/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Công trình thủy lợi các quy định chủ yếu về thiết kế.

- TCVN 8224:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng địa hình.

- TCVN 8225:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế cao độ địa hình.

- TCVN 8226-2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5000.

- TCVN 8412:2010: Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập Quy trình vận hành.

- TCVN 8414:2010: Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước.

- 14TCN 121-2002: Hồ chứa nước - Công trình thủy lợi - Quy định về lập và ban hành Quy trình vận hành điều tiết.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

9. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện

a) Kinh phí thực hiện: 2.644.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Trong đó:

- |                                             |                     |
|---------------------------------------------|---------------------|
| - Chi phí mua tài liệu khí tượng:           | 114.000.000 đồng.   |
| - Chi phí khảo sát:                         | 847.360.000 đồng.   |
| - Chi phí tính toán lập quy trình vận hành: | 1.278.270.000 đồng. |
| - Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ:       | 50.000.000 đồng.    |
| - Chi phí khác:                             | 114.021.000 đồng.   |
| - Dự phòng chi:                             | 240.365.000 đồng.   |

b) Nguồn vốn: Nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2020 đã được UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 và kinh phí sự nghiệp các năm tiếp theo.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2021.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi:

1. Phối hợp với các sở, ngành chức năng và UBND các huyện có liên quan tiến hành lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và nội dung phê duyệt tại Quyết định này.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị nêu tại Công văn số 895/SNNPTNT ngày 10/4/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nhiệm vụ và dự toán kinh phí.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Ba Tơ; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NN), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh301).

**CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Căng**